

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/DS-PT
Ngày: 28/12/2020
V/v tranh chấp chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Thái, ông Lương Thanh Chín.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Ngô Thị Thu Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 28/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2020/TLPT-DS ngày 09/10/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đồng Văn K - sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Số 137/17/30 khu phố A, đường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N - sinh năm 1984

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã H, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Số 191/1 đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn N.

Tại phiên tòa có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đồng Văn K trình bày: Do quen biết thông qua một người bạn nên ông K có cho ông Lê Văn N vay tiền, tổng số tiền cho vay là 550.000.000 đồng, cụ thể là: Ngày 20/6/2018 cho vay 200.000.000 đồng; ngày 05/8/2018 cho vay 350.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2% /tháng, khi vay tiền ông N có giao cho ông K bản chính 01 sổ hộ khẩu và 01 CMND (của ông N) để làm tin.

Khi vay ông N có viết giấy biên nhận mượn tiền và cam kết trả lại khi nào ông K cần lấy lại.

Khoản tiền vay đầu ông N đã trả cho ông K được 02 tháng tiền lãi là 8.000.000 đồng, đến lần vay thứ 2 (ngày 05/8/2018) thì ông N đi biệt tăm, cắt đứt mọi liên lạc, mặc dù ông K cố công tìm kiếm. Đến tháng 02/2020, ông K tìm được nơi ông N đang tạm trú tại số đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Thuận.

Ông K khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn N trả nợ 550.000.000 đồng tiền vay và 220.000.000 đồng tiền lãi, tính theo lãi suất 2%/tháng từ khi vay (ngày 05/8/2018) cho đến nay.

Bị đơn ông Lê Văn N trình bày: Tháng 5/2018, do nhu cầu cần vốn làm ăn, thông qua người bạn, ông N có vay của ông Đồng Văn K 5 lần tiền tổng cộng là 350.000.000 đồng, lãi suất 10% tháng, cụ thể 15 ngày ông N phải trả ½ tiền lãi của 1 tháng, ông N đã trả cho ông K hơn 100.000.000 đồng tiền lãi, khi trả lãi không có giấy giao nhận. Cuối năm 2018, ông N đã trả cho ông K tổng cộng được 320.000.000 đồng tiền gốc, hiện chỉ còn nợ ông K 30.000.000 đồng tiền gốc. Ông K làm đơn khởi kiện đòi nợ 550.000.000 đồng tiền vay và 220.000.000 đồng tiền lãi, tính theo lãi suất 2%/tháng, ông N không đồng ý vì hiện nay ông N chỉ còn nợ ông K 30.000.000 đồng tiền gốc. Ông N đồng ý trả 30.000.000 đồng và yêu cầu ông K trả lại chứng minh nhân dân + Hộ khẩu (bản chính) cho ông N.

Ông N thừa nhận 02 giấy nợ là do ông N viết và ký tên nhưng ông N trình bày như sau: tờ giấy đầu ghi ngày 20/6/2018 vay 200.000.000 đồng, thực tế là vay 03 lần tiền cộng lại, sau đó ông N vay thêm 02 lần nữa với số tiền là 150.000.000 đồng. Tổng cộng 350.000.000 đồng nên ông N viết giấy nợ ghi ngày 05/8/2018, nhưng do tin tưởng nên ông N không lấy lại giấy nhận nợ ghi ngày 20/6/2018. Do vậy ông K lấy 02 giấy nhận nợ này để khởi kiện ông N. Nếu ông K cương quyết khởi kiện đòi nợ 550.000.000 đồng thì yêu cầu Tòa án xem xét lại 02 Giấy nhận nợ vì ông N viết giấy vay tiền của ông Kh chứ không phải của ông K, ông N không nợ ông K nên không đồng ý yêu cầu của ông K.

Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 20/7/2020, căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Đồng Văn K 550.000.000 đồng tiền nợ vay và 102.712.500 đồng tiền lãi. Tổng cộng 652.712.500 đồng (Sáu trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng).

Sau khi ông Lê Văn N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Đồng Văn K, ông K phải có trách nhiệm trả lại cho ông N chứng minh nhân dân (bản chính) đứng tên ông Lê Văn N và Sổ hộ khẩu (bản chính) cho ông N.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi của ông Đồng Văn K là 117.287.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/8/2020, bị đơn ông Lê Văn N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn giảm cho bị đơn 5.000.000đồng tiền lãi so với số tiền lãi cấp sơ thẩm đã tuyên xử. Tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả đến thời điểm xét xử sơ thẩm (20/7/2020) là 647.712.000đồng (550.000.000đồng tiền gốc và 97.712.000đồng tiền lãi).

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm và các chứng cứ chi tiết hợp đồng vay. Bị đơn chỉ thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn với số tiền 350.000.000đồng nhưng đã trả cho nguyên đơn 320.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 30.000.000đồng; không đồng ý trả số tiền 550.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi 102.712.500đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền gốc 550.000.000đ là có căn cứ. Về tiền lãi: Cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 05/8/2018 đối với cả 02 khoản vay là không chính xác, tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý giảm 5.000.000đ tiền lãi cho bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn N kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ căn cứ pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Nguyên đơn cho rằng bị đơn đã vay của nguyên đơn tổng số tiền 550.000.000 đồng (lần 1 ngày 20/6/2018 cho vay 200.000.000đ, lần 2 ngày 05/8/2018 cho vay 350.000.000đ). Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là 01 giấy biên nhận mượn tiền ngày 20/6/2018 và 01 giấy mượn tiền ngày 05/8/2018 (bản chính) có chữ viết và ký của bị đơn. Bị đơn cũng thừa nhận chữ viết và chữ ký tại hai giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp nhưng cho rằng giấy mượn tiền lần hai là 350.000.000đ đã bao gồm khoản vay ngày 20/6/2018 là 200.000.000đ (gộp khoản vay thứ nhất vào khoản vay thứ hai). Bị đơn trình bày như trên nhưng không được nguyên đơn thừa nhận và không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Bị đơn còn cho rằng trong các giấy mượn tiền, ghi bên cho mượn là “Đông Văn Kh”, chứ không phải Đông Văn K nên ông K không có quyền đòi bị đơn trả tiền. Xét thấy, ông K trình bày tên thật của ông là Đông Văn K, nhưng do nhiều người phát âm không chính xác nên cũng có người gọi tên ông là Kh. Trong giấy vay tiền do bị đơn

viết có ghi đúng số chứng minh nhân dân của ông K và bị đơn cũng thừa nhận chính ông K là người giao tiền cho bị đơn, bị đơn không chỉ ra được ông “Đông Văn Kh” là ai, do vậy có đủ căn cứ khẳng định ông Đông Văn K đã cho ông Lê Văn N vay 550.000.000đ theo hai giấy nhận nợ nêu trên.

[3]. Ông Lê Văn N kháng cáo cho rằng đã trả cho ông Đông Văn K 320.000.000đ nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông N phải trả cho ông K 550.000.000đ tiền gốc là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Tiền lãi: Hai khoản vay trên hai bên có thỏa thuận tiền lãi nhưng có tranh chấp về lãi suất (nguyên đơn khai lãi suất 2%/tháng, bị đơn khai lãi suất 10% tháng) nên cấp sơ thẩm tính lãi suất 10% năm là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn khai bị đơn đã trả lãi 02 tháng với số tiền 8.000.000đ cho nguyên đơn đối với khoản vay ngày 20/6/2018, nhưng cấp sơ thẩm lại buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi của khoản vay này được tính từ ngày 05/8/2018 là không chính xác, đúng ra phải tính từ ngày 21/8/2018. Mặt khác, số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn với mức 2%/tháng là vượt quá quy định của Bộ luật dân sự nên cũng cần phải tính để khấu trừ phần lãi đã trả vượt quá là 1.333.333đ cho bị đơn.

Số tiền lãi cụ thể của hai khoản vay trên được tính như sau:

Đối với khoản vay 200.000.000đ ngày 20/6/20218 (tính lãi từ 21/8/2018) đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2020 (22 tháng 29 ngày) với số tiền 38.255.708đ nhưng do nguyên đơn đã thu số tiền lãi của bị đơn vượt quá quy định là 1.333.333đ nên số tiền này được trừ vào số tiền lãi. Nên số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn đối với khoản vay này là 36.922.375đ.

Đối với khoản vay 350.000.000đ ngày 05/8/2018 số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2020 (23 tháng 15 ngày) với số tiền là 68.521.689đ.

Tổng số tiền lãi của hai khoản trên tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 105.444.064đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn 5.000.000đ tiền lãi so với số tiền lãi cấp sơ thẩm đã tuyên xử (102.712.500đ), nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 20/7/2020 là 97.712.000đ, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5]. Ông Lê Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Áp dụng: Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Văn N phải có nghĩa vụ trả cho ông Đồng Văn K 550.000.000đ tiền nợ vay và 97.712.000đ tiền lãi. Tổng cộng 647.712.000đ.

Sau khi ông Lê Văn N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Đồng Văn K, ông K phải có trách nhiệm trả lại cho ông N chứng minh nhân dân (bản chính) số 261401799 do Công an tỉnh Bình Thuận cấp ngày 12/04/2012 đứng tên ông Lê Văn N và Sổ hộ khẩu (bản chính) số 110010609 do Công an xã Hàm Kiệm, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận cấp cho hộ ông Lê Văn N.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi của ông Đồng Văn K là 122.288.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn N phải chịu 29.908.480đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đồng Văn K phải chịu 6.114.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về khoản tiền lãi không được chấp nhận). Ngày 13/5/2020 ông Đồng Văn K đã nộp 17.400.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai số 0007444 do Chi cục thi hành án dân sự

thành phố Phan Thiết thu nay chuyển sang án phí 6.114.400đ để sung công quỹ Nhà nước, số tiền còn lại là 11.285.600đ được hoàn trả cho ông K.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông N 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp án theo biên lai thu tiền số 0007784 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thành phố Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân